

CHƯƠNG III: PHAN BỘI CHÂU (1867 – 1940) VÀ QUÁ TRÌNH SÁNG TÁC THƠ VĂN YÊU NƯỚC

Phan Bội Châu sinh ngày 26-12-1867 tại thôn Đan Nhiệm xã Đông Liệt – huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An trong một gia đình nhà Nho nghèo. Thuở nhỏ, Phan Bội Châu đã nổi tiếng thông minh học giỏi. Đặc biệt, ông có tư tưởng yêu nước từ rất sớm, 17 tuổi viết *Hịch Bình Tây thu Bắc* dán gốc đa đầu làng, 18 tuổi lập đội thi sinh quân hưởng ứng phong trào Văn thân Nghệ Tĩnh chống Pháp rầm rộ lúc ấy.

Sau khi bị cấm thi, năm 1897 Phan Bội Châu vào Huế dạy học và bắt đầu liên lạc với các nhà yêu nước trẻ tuổi ở Kinh đô. Thời gian ở Huế, ông nổi tiếng với bài phú *Bái thạch vi huynh (Tôn đá làm anh)*. Do bài phú, ông có dịp quen biết nhiều nhà khoa bảng, đồng thời cũng là những nhà yêu nước theo xu hướng mới như Nguyễn Thượng Hiền, Phan Châu Trinh, Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Nguyên Cẩn v.v... Nguyễn Thượng Hiền là người giúp Phan Bội Châu tiếp xúc tân thư, nhờ tân thư, nhà chí sĩ càng quyết tâm đi theo con đường cứu nước mới. Và trong quá trình chủ xướng phái bạo động, nhà yêu nước thực sự vẫn sử dụng phương thức duy tân trong hành động và tuyên truyền cứu nước. Đó là điều khiến nhà yêu nước trở thành “linh hồn” của các phong trào yêu nước đầu thế kỷ.

Năm 1900, Phan Bội Châu được ra thi lại, đậu giải nguyên trường Nghệ. Sau khi thi đậu và sau những cố gắng vào Nam ra Bắc liên kết và thành lập các tổ chức chống Pháp không thành, vào năm 1904, Phan Bội Châu cùng Nguyễn Hàm chọn Cường Để – một người trong hoàng tộc – làm minh chủ lập Tân đảng, sau đổi là Duy tân hội. Tổ chức này giao cho Phan Bội Châu nhiệm vụ sang Nhật cầu viện, chuẩn bị lực lượng, khí giới đánh Pháp. Năm 1905, Phan Bội Châu trốn sang Nhật, từ Nhật nhà yêu nước kêu gọi thanh niên Việt Nam trốn ra nước ngoài học tập, lập thành một trung tâm người Việt Nam hoạt động cứu nước ở Nhật. Thời gian ở Nhật, Phan Bội Châu viết nhiều, đó là các tác phẩm: *Việt Nam vong quốc sử*, *Việt Nam quốc sử khảo*, *Hải ngoại huyết thư*, *Kính cáo toàn quốc phụ lão văn*, *Thư gửi Phan Châu Trinh* v.v... Năm 1908, chính phủ Nhật theo yêu cầu của Pháp trục xuất các nhà yêu nước Việt Nam.

Từ năm 1908 đến năm 1925 Phan Bội Châu phải sống lưu vong ở Trung Quốc, Thái Lan. Cách mạng Tân Hợi Trung Quốc bùng nổ và thành công (cuối năm 1911 đến 1912) khiến các nhà yêu nước Việt Nam tin tưởng vào vận hội mới của công cuộc đánh Pháp, giành lại độc lập cho nước nhà. Đó cũng là sự kiện lịch sử khiến Phan Bội Châu và các đồng chí của ông quyết định sáng lập Quang phục hội, tập hợp nhiều lực lượng yêu nước Việt Nam trong và ngoài nước. Nhưng chỉ sau một thời gian ngắn hoạt động, tổ chức cứu nước này lại bị thực dân đánh phá, phong trào bị vỡ lở, thất bại, Phan Bội Châu bị bắt. Ra tù, nhà chí sĩ vẫn phải tiếp tục sống lưu vong, để kiếm sống, ông viết bài cho một số tạp chí Trung Quốc. Năm 1925, ông bị Pháp bắt ở Thượng Hải, sau đó đem về nước. Không dám bí mật giết

nhà yêu nước cũng như không thể dùng toà án để buộc tội ông, thực dân cuối cùng phải tha bổng Phan Bội Châu nhưng bắt ông quản thúc ở Huế.

Đồng bào trong nước gửi tiền giúp đỡ nhà chí sĩ lão thành làm một ngôi nhà ở Bến Ngự. Sau hơn hai chục năm bôn ba hải ngoại tìm đường cứu nước, nhà chí sĩ hăng say trở thành “ông già Bến Ngự”. Từ năm 1926 – 1940 nhà chí sĩ sống trong điều kiện bị theo dõi, quản thúc. Tuy thế nhiệt tình yêu nước của ông vẫn không hề bị dập tắt, các tác phẩm văn thơ nhằm giáo dục lòng yêu nước vẫn tiếp tục được sáng tác như: *Nam quốc dân tu tri*, *Nữ quốc dân tu tri*, các bài thơ, phú, truyện ngắn v.v... Các bộ sách như *Khổng học đăng*, *Phật học đăng*, *Nhân sinh triết học*... cũng được ông biên soạn trong thời gian này.

Phan Bội Châu được đánh giá cao về nhiều phương diện, là “linh hồn của các phong trào đấu tranh cách mạng đầu thế kỷ” là người “đã có những cống hiến lớn lao cho dân tộc về mặt chính trị và cả về mặt văn học... Văn thơ của ông đã góp phần rất lớn trong việc nâng cao lòng yêu nước cho mọi tầng lớp nhân dân ta đầu thế kỷ XX. Văn thơ đó xứng đáng là phần quý giá nhất, phong phú nhất của dòng văn thơ cách mạng hồi đầu thế kỷ”⁽¹⁾.

[]

[

Xuất thân là một nhà Nho, nhưng tiếp nhận tư tưởng mới của thời đại dân chủ (tư tưởng dân chủ) qua tân thư, tham gia công cuộc cứu nước bằng phương thức tổ chức chính đảng với qui mô toàn quốc, Phan Bội Châu đã trở thành nhà chính trị mới. Để tuyên truyền vận động cứu nước, với Phan Bội Châu, văn chương là phương tiện số 1, “ông là nhà chính trị mới nhưng viết văn như một nhà Nho, chứ không phải vừa là nhà chính trị vừa là nghệ sĩ”⁽²⁾. Tuy nhiên, cũng có thời gian, nhà chí sĩ đã phải kiếm sống bằng việc “buôn văn, bán chữ” với những bài thời bình, xã luận, tiểu thuyết. Đó là thời gian nhà yêu nước sống lưu vong, làm biên tập viên cho Binh sự tạp chí ở Hàng Châu, Trung Quốc, trước khi bị thực dân Pháp bắt (1925). Đây là giai đoạn “ông phải tách người văn nghệ sĩ ra khỏi người chính khách, chú ý đến những điều mà nhà văn, nhà báo – chứ không phải nhà chính trị trong ông – phải chú ý”⁽¹⁾. Về cuối đời, dù bị ngăn cách khỏi các phong trào yêu nước, cứu nước nhưng văn, thơ, phú mà “ông già Bến Ngự” gửi đăng báo vẫn nhằm thức tỉnh, giáo dục lòng yêu nước của quốc dân. Như vậy, văn chương là một “đóng góp” của nhà chí sĩ cho sự nghiệp cứu quốc khi ông không còn điều kiện hoạt động cứu nước. Để thấy rõ đặc điểm quá trình hơn nửa thế kỷ sáng tác văn học của nhà chí sĩ, có thể nhìn nhận qua ba giai đoạn như sau:

⁽¹⁾ Thơ văn yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ XX (1900-1930), NXB Văn học 1976, tr. 43-44.

⁽²⁾ Trần Đình Hượu – Lê Chí Dũng, Sdd, tr. 112

⁽¹⁾ Trần Đình Hượu – Lê Chí Dũng, Sdd, tr. 112.

1. Trước khi xuất dương cứu nước cho đến 1908

Đây là giai đoạn sôi nổi, hào hùng nhất trong sự nghiệp chính trị cũng như sáng tác văn thơ yêu nước của nhà chí sĩ. Các tác phẩm chính gồm: *Lưu cầu huyết lệ tân thư (thất bản)*, *Chơi xuân*, *Xuất dương lưu biệt*, *Việt Nam vong quốc sử*, *Hải ngoại huyết thư*, *Sùng bái giai nhân*.

a. Nhà chí sĩ thời cận đại với hoài bão, lý tưởng lớn đã hiện diện ngay trong những bài thơ nhỏ: *Chơi xuân*, *Xuất dương lưu biệt*. *Chơi xuân* là bài thơ kí ngụ hào khí nam nhi, thơ của một bậc hào kiệt, nuôi nhiều khát vọng lớn cứu nước, cứu dân. Giải San xứ Nghệ diễn tả một cuộc chơi xuân hào hoa, hết mình và rất lạ:

Thơ rằng: Quân bất kiến, Nam – Xuân tự cổ đa danh sĩ,
Đã chơi xuân đừng quản nghĩ chi chi,
Khi ngâm nga xáo lộn cổ, kim đi,
Tùa tám côi ném về trong một túi.
Nước non Hồng, Lạc còn đây mãi,
Mặt mũi anh hùng há chịu ri?
Giang sơn còn tô vẽ mặt nam nhi,
Sinh thời thế phải xoay nên thời thế.
Phùng xuân hội may ra ừ cũng dễ,
Năm địa cầu vừa một tí con con.
Đạp tung hai cánh càn khôn,
Đem xuân về lại trong non nước nhà.
Hai vai gánh vác sơn hà,
Đã chơi chơi nốt, ố chà chà xuân.

Một nhà Nho với tính cách năng nổ, với khát khao làm nên nghiệp lớn hiện lên trong bài thơ câu chữ gồ ghề, không theo thể cách nào nhất định. Trong cuộc “chơi xuân” người danh sĩ; khi mê say “ngâm nga xáo lộn cổ kim đi” khi háo hức muốn “Tùa tám côi ném về trong một túi”. Đó là niềm say của một trang nam nhi mà tâm hồn đang ngập tràn những hoài bão lớn. Trong trạng thái chuyển choáng của một “khách chơi”, danh sĩ chỉ một niềm nghĩ đến “nước non Hồng, Lạc” đến “mặt mũi anh hùng”, đến thời thế. Con người ấy đang khát khao hành động, khát khao “đạp tung” trời đất, muốn ghé vai gánh vác sơn hà xã tắc. Bài thơ mang tính chất “ngôn chí”, ngôn chí một cách say sưa, khác thường của giải San xứ Nghệ.

Cùng một cảm hứng như bài *Chơi xuân*, là bài *Xuất dương lưu biệt*

Làm trai phải lạ ở trên đời,
Há để càn khôn tự chuyển dời.
Trong khoảng trăm năm cần có tớ,
Sau này muôn thuở há không ai.
Non sông đã chết sống thêm nhục,
Hiền thánh còn đâu học cũng hoài.
Muốn vượt bể đông theo cánh gió,

Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi.

Con người chí sĩ hiện diện trong một không gian và thời gian rộng lớn. Thơ “ngôn chí” của Phan Bội Châu là thơ của một bậc hào kiệt trong thiên hạ, thơ của người chí sĩ với ý chí, khát vọng và lý tưởng lớn. Thơ ông cấp cho ta sức mạnh, tăng chí khí. Phan Bội Châu không than vãn, xót xa, bất lực như Tú Xương, không có cái lẩn quẩn, dằn vặt như Nguyễn Khuyến.

b. Trong thời gian 10 năm đầu thế kỷ, Phan Bội Châu là một trong những chí sĩ nổi tiếng nhất với sự nghiệp dùng văn chương làm vũ khí tuyên truyền cứu nước. *Việt Nam vong quốc sử* là một trong những tác phẩm đầu tiên trong quá trình sáng tác văn học yêu nước của ông. Tác phẩm được coi là tài liệu tuyên truyền quốc tế đầu tiên của cách mạng Việt Nam, được viết ra trong thời gian nhà chí sĩ đang tràn trề niềm tin và nhiệt tình cứu quốc, nhằm tố cáo chính sách cai trị thâm độc của thực dân Pháp, kêu gọi người Việt Nam đoàn kết chống Pháp. Tác phẩm được trình bày theo lối đối thoại giữa Sào nam và Ấm Băng (Lương Khải Siêu), với bốn chương chính:

1. Nguyên nhân và lịch sử mất nước của nước Việt Nam.
2. Tiểu truyện các chí sĩ hồi mới mất nước.
3. Chính sách ngu dân của thực dân Pháp.
4. Tương lai của nước Việt Nam.

Với niềm tin tưởng lớn ở tinh thần dân tộc và lòng yêu nước của người Việt Nam, nhà chí sĩ liên tiếp đưa ra những suy nghĩ, lập luận để bênh vực đồng bào mình. Lời văn tác phẩm tha thiết, như thúc giục, như lôi kéo khuyến khích, thể hiện tình cảm yêu nước vừa sâu sa, trù mẫn vừa mãnh liệt. Ở chương *Tương lai của nước Việt Nam*, để kêu gọi mười hạng người đoàn kết cứu nước và theo tinh thần “gạn đục khơi trong”, nhà chí sĩ có viết một đoạn rất gây ấn tượng với lối suy luận rất riêng của ông như sau: “Tôi nghĩ rằng, từ này nước Việt Nam bị bọn Pháp chiếm lĩnh thì người Việt Nam hoàn toàn là nô lệ người Pháp. Tôi nghĩ rằng bọn Hoàng Cao Khải, Nguyễn Thân đã rán hết sức đi hầu hạ bọn Pháp, để giết chóc người Nam, giúp đỡ kẻ thù ăn thịt đồng bào. Nước tôi đâu có thế – Bác bảo là người Việt Nam còn có nhân tâm ư? Tôi vẫn không tin.

- Ô hô! i hi! Cái nhân tâm của người Việt Nam, tôi thì tôi lại tin là nó có ngay trong lòng bọn đó! Bằng nay có cô thiếu nữ và có hai nhà, nhà A và nhà B tranh nhau đi hỏi cho được cô ả. Anh chàng nhà A thì đẹp mà nghèo, anh chàng nhà B thì giàu mà xấu. Hỏi cô ta rằng định lấy ai, cô sẽ trả lời: “Ăn cơm nhà B, ngủ nhà A” Bọn Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải thì âu cũng thế thôi. Bọn họ thích gì làm dân nhà xấu. Bọn họ chỉ kiếm miếng cơm đó thôi... Bọn chúng đi hầu hạ quân

Tây, là vì thời buổi bất buộc, đi nhầm mất đường, chưa biết đâu; hay là vì len lỏi, cúi lòn, để chờ cơ hội... cũng chưa biết đâu!”

Lấy “lí trí của giống người” nhà chí sĩ khơi gợi lòng yêu nước ở tất cả các hạng người trong xã hội, đặt niềm tin ở tinh thần dân tộc của họ, khẳng định tương lai sáng lạn của đất nước. Dưới ngòi bút của nhà chí sĩ, các hạng người từ “con nhà gia thế, dòng dõi thi thư” đến tầng lớp bình dân, người theo đạo Gia Tô, người nghèo kiết cùng quẫn, cho đến bọn tay sai thực dân lúc bấy giờ sâu xa cũng đều có lòng tự hào dân tộc, có thể “hăng hái trở giáo đánh lại quân thù để đền nợ nước” (*Việt Nam vong quốc sử*). *Việt Nam vong quốc sử* là thiên chính luận về lịch sử mất nước của nước Việt Nam, một tác phẩm văn xuôi nhưng lời lẽ nồng nàn, tha thiết đầy tính trữ tình. Sự uyển chuyển trong suy nghĩ, lập luận thể hiện một văn bút độc đáo hiếm có. Đây là một trong những tác phẩm khẳng định tài năng trong nghệ thuật tuyên truyền yêu nước, cứu nước của nhà chí sĩ.

[]

[

Trong toàn bộ thơ văn tuyên truyền yêu nước cứu nước của Phan Bội Châu *Hải ngoại huyết thư* là tác phẩm lôi cuốn, sôi nổi và đạt đến đỉnh cao nhất về phương diện nội dung tư tưởng cũng như nghệ thuật tuyên truyền, cổ động. Bản huyết thư nguyên văn chữ Hán với hơn 700 câu thơ (theo thể thơ 7 chữ) được nhà yêu nước Lê Đại dịch ra quốc ngữ theo thể song thất lục bát là một khúc ngâm lớn, một bản trường ca yêu nước số 1 đầu thế kỷ. Tác phẩm lần lượt đề cập đến các vấn đề: thực trạng mất nước đau thương, nguyên nhân mất nước, phương hướng cứu nước. Ta biết, các vấn đề trên đã từng được đề cập đến trong *Việt Nam vong quốc sử*. Với tác phẩm này nhà chí sĩ không “lặp lại” mà đặt lại vấn đề ở một mức độ cao hơn, sâu hơn với những lời lẽ cấp thiết, nóng bỏng hơn. Tác phẩm được viết với tất cả tâm hồn và nhiệt huyết. Bức thư được khởi đầu bằng những lời lẽ có tính chất “thức tỉnh” cả một đất nước đang chìm đắm, mê muội trong nô lệ, lầm than. Thực trạng đau thương: Pháp đô hộ Việt Nam, ra sức khai thác tài nguyên thiên nhiên đất nước ta, bòn vét của cải và bạc đãi dân ta. Người Việt Nam nô lệ, yếu hèn, nhục nhã và họa diệt chủng bày ra trước mắt. Nguyên nhân mất nước là do vua vô trách nhiệm, quan vô tâm, dân thờ ơ, dốt nát. Nhà chí sĩ thẳng thắn vạch rõ:

Nước ta mất bởi vì đâu?
 Tôi xin kể hết mấy điều tệ nhân.
 Một là vua sự dân chẳng biết,
 Hai là quan chẳng thiết gì dân.
 Ba là dân chỉ biết dân,
 Mặc quân với quốc mặc thần với ai.

Tiếp thu tư tưởng các nhà duy tân Trung Quốc, Nhật Bản, tác giả *Hải ngoại huyết thư* đã thể hiện những nhận thức mới mẻ về chế độ, về quyền dân, về vấn đề

tự cường dân tộc. Khi nhận xét, khẳng định, khi lại như chìm vào ưu tư, lúc lại thúc giục, những khám phá mới của thời đại xung quanh vấn đề mất nước, đường lối cứu nước lần lượt được tác giả bản huyết thư đề cập đến. Sự sa sút về dân trí theo nhà yêu nước là do sự áp chế quá lâu của chế độ quân chủ:

Quyền dân chủ trên đầu ức chế,
Bốn nghìn năm dân trí còn gì.

Để tăng cường trách nhiệm của dân với nước, bản thư tuyên bố: “Dân là dân nước, nước là nước dân”. Cũng như *Bài ca Á tế á*, *Hải ngoại huyết thư* ca ngợi công cuộc đổi mới của Nhật Bản, coi đất nước này là tấm gương để người Việt Nam noi theo. Ở đất nước này “Chữ bình đẳng đặt đầu chính phủ. Bấy lâu nay dân chủ cộng hòa” v.v... Để đất nước giàu mạnh, văn minh người Việt Nam cần có “trăm thứ nghề hay”, phải được học “binh, cơ, điện, hóa” như các nước đó cũng là những “phát hiện” mới của nhà chí sĩ. Mọi việc cần phải được tiến hành khẩn trương thì mới có thể cứu được nước nhà:

Nay còn lúc giống người chưa hết,
Chữ tự cường nên biết khuyên nhau.

Từ tất cả những phân tích, giảng giải về thực trạng đất nước, nguyên nhân mất nước, đề xuất những cách thức khôi phục đất nước, bản thư kêu gọi đoàn kết, đấu tranh. Năm mươi triệu người Việt Nam từ phú hào, quan tước, sĩ phu, lính tập cho đến bếp bồi, thông kí, côn đồ nghịch tử, nhi nữ anh sĩ... đều có thể đoàn kết thành một khối, tạo nên sức mạnh giành lại nền độc lập cho nước nhà. Với sự phong phú về nội dung tuyên truyền và với những đề xuất mới mẻ về đường lối cứu nước *Hải ngoại huyết thư* là một trong những tác phẩm lớn nhất của văn học yêu nước đầu thế kỷ.

Hải ngoại huyết thư – với mục đích tuyên truyền yêu nước cứu nước – sở dĩ nồng nàn, kích động lòng người bởi đó là lời giải bày, tâm sự của một người dân yêu nước, thiết tha với sự nghiệp cứu quốc. Sắc thái xúc cảm của tác giả biểu hiện qua dòng ngôn ngữ đa dạng của tác phẩm. Người dân yêu nước này khi thì lo âu, sốt ruột, khi căm giận uất ức, khi ưu tư, khi sôi nổi, hào hứng... Gửi tâm tình về nước, lời tác phẩm có đoạn thật lắng đọng, trữ tình:

Lời huyết lệ gửi về trong nước,
Kể tháng ngày chưa được bao lâu.
Nhác trông phong cảnh thần châu,
Gió mây phẳng lặng dạ sầu ngẩn ngơ.
Hồn cố quốc vẫn vương, vương vẫn,
Khôn tìm đường dò nhẩn, hỏi han.
Bâng khuâng đỉnh núi mây ngàn,
Khói tuôn khí mất, sóng cồn trận đau...

Để thuyết phục, tuyên truyền, lời thơ khi thủ thỉ tâm tình, khi trách móc phê phán, khi bàn bạc, thảo luận, khi lại thúc giục, khẳng định... Thức tỉnh, khơi động,

tiếp thêm sức mạnh và niềm tin cho quốc dân, đó là hiệu quả mà tác phẩm đã đạt được. Nghệ thuật tuyên truyền của *Hải ngoại huyết thư* thật sự đạt đến trình độ cao, xuất sắc.

Một trong những yếu tố đưa đến sự thành công về mặt nghệ thuật của *Hải ngoại huyết thư* là việc vận dụng sáng tạo thể thơ. Từ nguyên bản Hán văn, theo thể thơ 7 chữ, tác phẩm được dịch ra quốc ngữ theo thể song thất lục bát. Song thất lục bát là thể thơ được các nhà thơ các giai đoạn trước sử dụng thành công trong việc sáng tác khúc ngâm: *Chinh phụ ngâm*, *Cung oán ngâm*.... Khúc ngâm với thể thơ song thất lục bát thường mang âm điệu trữ tình da diết, lâm li rất thích hợp với việc diễn tả chiều sâu suy nghĩ, tâm trạng, tình cảm. Các dịch giả và tác giả *Chinh phụ ngâm*, *Cung oán ngâm* đã dùng thể song thất lục bát để diễn tả những dằn vặt, lo âu, những nỗi xa xót triền miên của nhân vật người chinh phụ và người cung nữ. *Hải ngoại huyết thư* – có thể coi bản thư này là một khúc ngâm, một bản trường ca yêu nước – đã kế thừa việc sử dụng thể thơ song thất lục bát để thể hiện một chuỗi dài những nhìn nhận, suy nghĩ, xúc cảm, lập luận v.v... của một chí sĩ trước thảm cảnh của đất nước. Âm điệu *Hải ngoại huyết thư* lâm li, da diết nhưng đồng thời cũng rắn rỏi, hùng hồn, kích động chứ không bi lụy như các khúc ngâm trước đó. Khai thác lợi thế của thể thơ song thất lục bát và “cải tạo” âm điệu của nó, đó là một trong những thành công về mặt nghệ thuật của *Hải ngoại huyết thư*.

2. Giai đoạn 1908 – 1925

Cùng với sự tan rã của phong trào Đông du, ngòi bút đầy hào khí của nhà chí sĩ chuyển sang một giai đoạn khác, trầm lắng hơn dù vẫn mang ít nhiều dư âm hùng tráng của giai đoạn trước. Từ năm 1908 cho đến khi bị thực dân Pháp bắt (1925) cùng với những nỗ lực gây dựng phong trào, thành lập tổ chức cứu nước mới, dù cuộc sống gặp nhiều gian nan, nhưng nhà chí sĩ vẫn sáng tác văn thơ. Tác phẩm của ông giai đoạn này bao gồm nhiều thể loại khác nhau: Thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, tuồng. Dù là phương tiện để củng cố phong trào, duy trì hoạt động, hay là “vì sinh kế” mà viết bài in báo, nội dung tư tưởng xuyên suốt các tác phẩm vẫn là yêu nước, cứu nước. Xét về phương diện một nhà yêu nước dù Phan Bội Châu vẫn kiên định, nỗ lực, tìm cách tiếp cận tình hình, kịp thời thành lập tổ chức cứu nước mới nhưng đây là giai đoạn các phong trào cách mạng, yêu nước gặp nhiều khó khăn, bế tắc vì sự ngăn chặn, đàn áp của thực dân. Xét về phương diện văn chương, nhà Nho Phan Bội Châu sống và viết trong một giai đoạn văn học dân tộc đang tìm đường đổi mới cả về nội dung lẫn hình thức nghệ thuật... Nhưng rõ ràng là “nhà văn”, “nhà thơ” Phan Bội Châu có rất ít cơ hội để hội nhập vào sự đổi mới của đời sống văn học. Tuy nhiên, để phản ánh thực tế mới, tư tưởng mới, thơ, văn chính luận, truyện ngắn, tiểu thuyết của Phan Bội Châu lại có giá trị như là những “thí nghiệm” những cách “thử bút” của ông trong bước quá độ từ văn học truyền thống, trung đại sang văn học mới, hiện đại. Nhà yêu nước đã “sử dụng một cách rộng rãi kinh nghiệm viết văn cũ để viết truyện ngắn và tiểu thuyết. Do đó truyện ngắn và tiểu thuyết của Phan Bội Châu rất khác truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại, mang

dấu vết rõ rệt của quá trình cách tân nghệ thuật truyền thống để nói nội dung mới”⁽¹⁾

a) Thơ tuyên truyền yêu nước, cứu nước

Trong hoàn cảnh các phong trào yêu nước gặp nhiều khó khăn, thực dân tay sai ráo riết đàn áp, chia rẽ nhân dân ta, bản thân phải sống lưu vong nhưng Phan Bội Châu vẫn không thôi đeo đuổi sự nghiệp khôi phục chủ quyền đất nước. Ông vẫn tiếp tục làm thơ tuyên truyền, cổ động yêu nước, cứu nước. Với chùm thơ *Ái quốc*, *Ái quần*, *Ái chủng* nhà chí sĩ tha thiết khơi gợi lòng yêu nước, ý thức về truyền thống cha ông, kêu gọi đoàn kết đấu tranh giành lại giang sơn, đất nước. Giai đoạn trước, viết *Việt Nam vong quốc sử*, *Hải ngoại huyết thư*, *Sùng bái giai nhân*... Phan Bội Châu đã là nhà “ái quốc” số 1 có công khơi dậy tinh thần yêu nước của toàn thể quốc dân. Bằng văn chương, bút mực nhà chí sĩ đã ra sức “cồng kua”, “mõ gióng” thức tỉnh đồng bào đang trong cơn mê ngủ. *Ái quốc ca* được viết vào năm 1910, đó là thời gian không phải là thuận lợi đối với sự nghiệp nhà chí sĩ. Nhưng hoàn cảnh khó khăn đó không ngăn cản được nhà yêu nước tiếp tục cất lên tiếng hát “ái quốc”, cổ động cho dân hợp xướng quốc dân:

Nay ta hát một thiên ái quốc,
Yêu gì hơn yêu nước nhà ta.

“Thiên ái quốc” nhắc nhở quốc dân nhớ lại lịch sử dựng nước giữ nước gian nan của cha ông, vẽ nên dáng vóc xinh đẹp, nên thơ của giang sơn, khơi gợi tình cảm và ý thức trách nhiệm:

Trải mấy lớp tiền vương dựng mở,
Bốn ngàn năm dải gió dầm mưa.
Biết bao công của người xưa,
Gang sông, tắc núi, dạ dưa, ruột tằm.
Hào Đại hải âm thâm trước mặt,
Giải Cửu Long quanh quất miền Tây.
Một tòa san sát xinh thay,
Bên kia Vân Quảng, bên này Côn Lôn...

Để có được từng “gang sông, tắc núi” cha ông ta đã phải bao phen “dãi gió, dầm mưa”, “nằm gai”, “nếm mật”, phải thao thức bao đêm “dạ dưa, ruột tằm”... Bài thơ mở ra và kéo lại khoảng cách giữa dân với nước, gợi lên sự gần gũi, thân thương của con cháu với cha ông. Tạo được tình cảm trong sáng, cao cả đối với giang sơn, đất nước, sự xúc động trong lòng người đọc, đó là hiệu quả thẩm mỹ của bài thơ. Từ nền tảng tình cảm thiêng liêng này, nhà chí sĩ lại hướng “công chúng” sang một bình diện khác: ý thức về thực tại đau buồn. Đó là cảnh mất nước, nô lệ “dân cùng, của hết”, “Bốn mươi năm nước mất quyền không”, là tang tóc “Nước tanh máu đỏ, non chồng thịt cao”... Lời thơ như thủ thỉ, tâm tình, lại như thôi thúc, thức tỉnh:

⁽¹⁾ Trần Đình Hượu – Lê Chí Dũng, Sđd, tr. 137.

Non nước ấy biết bao máu mủ,
Nỡ nào đem nuôi lũ sài lang?
Cờ ba sắc xứ Đông Dương,
Trông càng thêm nhục nói càng thêm đau!
Nhục vì nước mà đau người trước,
Nông nổi này, non nước cũng oan.

Điều mà nhà chí sĩ hướng tới, hình dung ra, tin tưởng sẽ diễn ra đó là ngày toàn thể quốc dân: “Hợp muôn sức ra tay quang phục. Quyết có phen rửa nhục báo thù” cho lịch sử, cho nước nhà...

Nhằm thiết lập lại tình cảm nội bộ người trong một nước, ý thức về sự tồn vong của chủng tộc da vàng, hướng tới mục đích cứu nước, Phan Bội Châu kêu gọi người Việt Nam còn phải biết “Ái quần” “Ái chủng”. Với việc kêu gọi mười hạng người đồng tâm (*Hải ngoại huyết thư*) Phan Bội Châu đã được coi là ngôi sao dẫn đường đoàn kết dân tộc. “Ái quần”, “Ái chủng” là hai lời kêu gọi phát ra nhằm nhắc lại, nhấn mạnh lại ở những phương diện khác, giá trị của khối đại đoàn kết dân tộc – một tư tưởng lớn của nhà chí sĩ cấp tiến. Nhà chí sĩ khẳng định, người Việt Nam vốn “Non sông riêng một nước nhà”, lịch sử đã trải “hơn bốn nghìn năm”, quan hệ vốn gần gũi, ruột rà “Ông cha một họ, anh em một nhà” v.v... Nhưng hiện tại :

Chỉ vì tan tác từng người,
Phen này đến nỗi lạc loài xót xa.

“Ái quần” là để “Nam, Bắc hiệp hòa”, để “Họ hàng đông đủ cánh vây. Chen vai ưu thắng ra tay cạnh tôn”, để “Làm cho nổi tiếng Lạc, Hồng, vẻ vang dòng dõi con rồng cháu tiên”. Khẳng định sức mạnh của sự gắn bó đoàn thể, sự cần thiết phải bảo vệ khối liên kết muôn người nhà chí sĩ sử dụng những biện pháp ví von, so sánh dễ hiểu:

Thế đoàn như đá chẳng mòn,
Như thành chẳng chuyển như non chẳng dời.
Đừng như đàn quạ giữa trời,
Gặp cơn mưa gió vội rời nhau ra.

Thậm chí, để nhấn mạnh tầm quan trọng đặc biệt của khối đại đoàn kết, sự cần thiết phải hy sinh cái riêng tư cho sự nghiệp chung trong cuộc đấu tranh lúc bấy giờ nhà yêu nước còn viết :

Có đàn thì mới có ta,
Đàn là rất trọng, ta là rất khinh.

Bởi có đoàn kết, gắn bó với nhau mới có thể giành lại “cơ nghiệp vẹn tuyền”, đó là cái đích mà lời kêu gọi “Ái quần” hướng tới.

Nhìn nhận vấn đề mất nước ở phương diện chủng tộc, Phan Bội Châu quay về lịch sử, ôn lại quá khứ vẻ vang của giống người “da vàng máu đỏ”. Với những câu thơ đầy tự hào, kiêu hãnh ông ca ngợi lịch sử hào hùng của “chúng” da vàng:

Tài anh kiệt, nổi đời sinh,
Phá Nguyên mấy lớp, đánh Minh mấy lần.
Mở mang Chân Lạp, Chiêm Thành,
Trời Nam lưng lẩy, dòng thần ở Nam.

Thế nhưng, hiện tại thì sao?

Ngán thay giống tốt nòi sang,
Bối đầu sa sút mà mang tiếng hèn?

Nhà chí sĩ thở than, băn khoăn:

Xưa nay đứng chủ cầm quyền,
Rày sao nhẫn nhục, chịu hèn làm tôi?
Kết thúc bài *Ái chủng* là lời kêu gọi tha thiết:
Giống ta nay chẳng đại rồi,
Chân tay cột dạ muôn người cùng nhau.
Muốn cho nòi giống thịnh giàu,
Về đi hợp bụng mà mưu chấn hoàng.
Mưu sao kéo lại giống vàng,
Uống say máu giặc, ăn tương thịt thù.
Mấy câu ái chủng reo hò,
Chữ đồng tâm ấy phải cho một lòng...

“Đồng tâm”, “hợp chủng” để khôi phục sự “thịnh giả” của “nòi giống” đó chính là điều mà nhà chí sĩ mơ ước.

b) Truyện, tiểu thuyết

Viết truyện, Phan Bội Châu chỉ nhằm vào một đối tượng chính: Những gương phấn đấu, hi sinh vì nước trong phong trào chống Pháp đầu thế kỷ. Đó là những thanh niên yêu nước trong phong trào Đông Du, những người đồng chí thân thiết, những nhà vận động cách mạng nổi tiếng lúc bấy giờ như Nguyễn Hàm, Trần Quý Cáp, Đặng Thái Thân v.v... Liệt sĩ Phạm Hồng Thái với tiếng bom la diện vang dội, Hoàng Hoa Thám con hùng của núi rừng Yên Thế chống Pháp... đều trở thành đối tượng viết truyện, thành nguồn cảm hứng dạt dào trên các trang văn của nhà chí sĩ họ Phan. Nhân vật người anh hùng cứu quốc trở thành hình ảnh duy nhất trong truyện của nhà chí sĩ. Để thấy được sự tiến triển trong quá trình viết truyện của Phan Bội Châu, có thể chia những tác phẩm thuộc thể loại này thành hai nhóm như sau:

Nhóm 1: Những truyện có tính chất ghi chép chân thực theo kiểu liệt truyện gồm các tiểu truyện như: *Nguyễn Hàm*, *Đặng Thái Thân*, *Nữ liệt sĩ Đinh phu nhân*, *Trần Quý Cáp*, *Hoàng Phan Thái*, *Trần Đông Phong*... Vì ghi chép theo kiểu liệt

ThS. Phan Thị Hồng *Khoa Ngữ Văn*